

QUYẾT ĐỊNH số 71-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về việc điều chỉnh giá mua gai sợi.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....
..... (1)

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam gai sợi các loại áp dụng thống nhất cho toàn miền Bắc như sau :

1. Gai dài từ 1,30m trở lên :

- Loại A : 7.10đ (bảy đồng một hào)
- Loại B : 6.20đ (sáu đồng hai hào)

2. Gai dài từ 0,80m đến dưới 1,30m :

- Loại A : 5.80đ (năm đồng tám hào)
- Loại B : 5.10đ (năm đồng một hào)

3. Gai dài từ 0,40m đến dưới 0,80m :

- Loại A : 3.90đ (ba đồng chín hào)
- Loại B : 3.00đ (ba đồng chẵn)

Điều 2. - Quy cách phẩm chất các loại gai được quy định như sau :

a) **Tiêu chuẩn chung cho các loại :** thật khô, không sâu, không mốc, không mục ải.

b) Tiêu chuẩn riêng cho từng loại :

- Loại A : Cạo sạch vỏ ngoài, không vấp mấu, dai bền, sợi mềm, tơ rời, tước không lõi,
- Màu trắng đều hoặc trắng xanh,
- Gốc không vàng hoặc đỏ ;
- Loại B : Cạo chưa thật sạch vỏ ngoài, tơ không được rời, còn ít mấu, sợi không mềm bằng loại A.

Điều 3. - Giá mua quy định ở điều 1 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ thu mua của mặt dịch quốc doanh.

Điều 4. - Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974

Q. Chủ nhiệm
Ủy ban Vật giá Nhà nước
TÔ DUY

QUYẾT ĐỊNH số 72-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về việc điều chỉnh giá mua lạc.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....
..... (1)

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam lạc các loại áp dụng thống nhất cho toàn miền Bắc như sau :

a) Lạc vỏ :

- Loại I : 0.85đ (tám hào năm xu)
- Loại II : 0.75đ (bảy hào năm xu)
- Loại III : 0.65đ (sáu hào năm xu)

b) Lạc nhân :

- Loại I : 1.25đ (một đồng hai hào năm xu)
- Loại II : 1.15đ (một đồng một hào năm xu)
- Loại III : 1.05đ (một đồng năm xu)

Điều 2. - Tại những vùng đất bạc màu, trồng lạc đề cải tạo đất, giá mua một kilôgam là :

a) Lạc vỏ :

- Loại I : 0.95đ (chín hào năm xu)
- Loại II : 0.85đ (tám hào năm xu)
- Loại III : 0.75đ (bảy hào năm xu)

b) Lạc nhân :

- Loại I : 1.35đ (một đồng ba hào năm xu)
- Loại II : 1.25đ (một đồng hai hào năm xu)
- Loại III : 1.15đ (một đồng một hào năm xu)

Mức giá ở điều 2 chỉ có hiệu lực thi hành sau khi đề nghị vùng áp dụng mức giá này được Ủy ban Vật giá Nhà nước xét duyệt.

Điều 3. - Quy cách phẩm chất lạc được quy định trong bảng phụ lục kèm theo.

Điều 4. - Giá mua quy định ở điều 1 và điều 2 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ thu mua của mặt dịch quốc doanh.

Điều 5. - Quyết định này được thi hành từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974

Q. Chủ nhiệm
Ủy ban Vật giá Nhà nước
TÔ DUY

(1) Xem căn cứ của quyết định số 66-NS/VGNN trên.

09667903
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSON

Quy cách phẩm chất các loại lạc

(kèm theo quyết định số 72-NS/VGNN ngày
16-10-1974)

1. Lạc vỏ :**a) Tiêu chuẩn chung :**

– Lạc vỏ phải khô, nhân khô dẽ bóc vỏ lụa, phải sạch, không sâu, không mốc, không thối, không bã, không dập nát.

– Màu sắc là màu sắc tự nhiên của lạc vỏ.

– Thủy phân : không quá 9%.

b) Phân cấp lạc vỏ quy định theo bảng sau :

Chỉ tiêu	Loại I	Loại II	Loại III
– Tỷ lệ nhân trong lạc vỏ (tính theo % khối lượng) không dưới	75%	70%	65%
– Nhân mảy đều (tính theo % khối lượng) không dưới	87%	80%	65%
– Nhân có da hơi nhăn không teo lép (tính theo % khối lượng) không quá	10%	15%	25%
– Nhân teo lép (tính theo % khối lượng) không quá	3%	5%	10%
Ghi chú : Trường hợp đặc biệt có thể tham khảo cách tính theo % số hạt như sau :			
– Nhân mảy đều, không dưới	80%	70%	60%
– Nhân có da hơi nhăn không teo lép	15%	20%	25%
– Nhân teo lép, không quá	5%	10%	15%

09667903

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Lạc nhân :**a) Tiêu chuẩn chung :**

– Lạc nhân phải khô, sát bóc vỏ lụa, phải sạch, không sâu, không mốc, không mốc, không có tạp chất,

– Kích thước hạt tương đối đồng đều trong từng lô hàng.

– Màu sắc là màu sắc tự nhiên của lạc nhân,

– Thủy phân : không quá 7%.

b) Phân cấp lạc nhân quy định theo bảng sau :

Chỉ tiêu	Loại I	Loại II	Loại III
– Hạt mảy đều (tính theo % khối lượng) không dưới	85%	75%	65%
– Hạt có vỏ lụa hơi nhăn (tính theo % khối lượng) không quá	10%	15%	20%
– Hạt bị bóc vỏ lụa (tính theo % khối lượng) không quá	5%	10%	15%